

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 15/8/2018

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hân; Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viêm kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Lừa, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Cách Bi, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh D năm 2008 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không thể có con. Thực ra trước khi lấy chị anh D đã có 01 đời vợ và họ đã ly hôn nhau rồi. Khi kết hôn xong anh chị không có con chung, đi khám thì có kết quả là chồng chị yếu tinh trùng còn chị bình thường. Tuy nhiên dù đi khám có kết quả của bệnh viện về nhưng mẹ chồng chị vẫn không chấp nhận thực tế đó mà đổ cho là tại chị không sinh được con vì bà lấy lý do là chồng chị đã có con với vợ trước rồi thì không thể có kết quả thể được nên giữa mẹ chồng chị và chị không hòa hợp. Vì không sinh được con nên năm 2010 anh chị có nhận một cháu gái làm con. Tuy cháu chỉ là con anh chị nhận nuôi nhưng thực tế trên giấy tờ khai sinh anh chị là cha mẹ đẻ của cháu vì khi mẹ cháu đi đẻ đã khai nhận tên là tên của chị là người sinh vì hai bên không muốn sau này cháu biết cháu là con nuôi còn mẹ cháu thì nhờ có thai cháu mà chưa có gia đình nên mới cho cháu cho vợ chồng chị làm con. Tên tuổi địa chỉ thực tế của mẹ cháu vợ chồng chị cũng không biết là gì, ở đâu vì thực sự hai bên cũng không muốn có sự qua lại sau này không muốn cho nhau biết thông tin về nhau. Một phần vì không có con chung, một phần vì tính cách không phù hợp, chồng chị thực sự khó tính vì nguyên nhân không sinh con khi đi khám là do anh ấy; một phần là mẹ chồng chị rất khắc nghiệt đối xử với con dâu rất quá đáng. Thậm chí vợ trước của

anh D cũng vì không ở với mẹ chồng được nên phải ly hôn. Tất cả các lý do đó khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn. Chồng chị lại không có lập trường, không làm ra kinh tế nên hay gây sự với chị. Vợ chồng luôn cãi vã, chồng chị thì không đi làm mà đa phần chỉ ở nhà làm ruộng nên khi chị đi làm công nhân thì lại sinh sự ghen tuông. Mẹ chồng luôn bêu rếu đặt điều với con chị và hàng xóm xung quanh về chị thậm chí nói chị đi bán dâm. Chồng chị cũng ghen tuông vô cớ nên mắng chửi chị. Cách đây 02 năm, chồng chị bị tai nạn xe máy. Thời điểm đầu chồng bị tai nạn chồng chị nằm liệt giường chị vẫn chăm sóc đầy đủ chu đáo đến nay chồng chị đã đi lại được rồi. Sau khi tai nạn, tính cách anh D càng khó chịu nên anh chị càng hay mâu thuẫn. Cách đây 3 tháng vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng, anh D lại sinh sự chửi bới cũng vì ghen tuông vô cớ. Bản thân chị quá mệt mỏi không thể nhẫn nhịn nổi nên đã đưa con về nhà ngoại ở và vợ chồng ly thân nhau; Trong thời gian chị ở nhà ngoại anh D không hề sang nói chuyện nhưng có nhắn tin báo chị về. Chị không về thì lại nhắn tin, điện thoại chửi. Đến nay chị đã suy nghĩ nhiều về quan hệ vợ chồng giữa anh chị thực sự chung sống không có hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm với anh D nữa. Chị mong tòa án giải quyết cho chị được ly hôn;

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 19/12/2010. Tuy thực tế cháu không do anh chị sinh ra nhưng trên cơ sở giấy tờ thì cháu là con của chị và anh D. Sau khi vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục chăm lo nuôi dưỡng cháu vì từ trước đến nay cháu vẫn do chị chăm sóc. Bản thân anh D sức khỏe không tốt (sau tai nạn đã đi lại được nhưng sức khỏe anh D yếu và vẫn bị khò tay). Anh D trước giờ chỉ làm ruộng đến nay thì chưa làm được gì nên không có khả năng kinh tế nuôi cháu;

Chị hiện tại làm may tại khu công nghiệp Quế Võ thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng; Chị đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con;

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết;

Phía anh D có lời khai trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý của tòa án về việc chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng do sức khỏe yếu anh không đến tòa án làm việc theo giấy báo được; Anh xác định việc chị C trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn của hai vợ chồng là đúng sự thật. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, chị C có quan hệ bất chính, anh ghen nên đã đánh chị C; Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nên cuộc sống không có hạnh phúc. Với việc chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh nhất trí vì thực tế chị C cũng đã bỏ về nhà đẻ rồi không ở nhà anh nữa.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị C khai là đúng; Cháu là con nuôi của anh chị do chị C đi xin về tuy nhiên trong giấy tờ khai sinh tên vợ chồng anh ghi trong tên bố mẹ của cháu; Khi vợ chồng ly hôn anh đề nghị tòa án giao cháu cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị C tự giải quyết.

Tài sản chung, công nợ anh không yêu cầu tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đối với anh D: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy báo làm việc nhưng anh D đều không có mặt để làm việc. Tòa án đã phối hợp với địa phương ghi lại lời trình bày của

anh D và giao các thông báo làm việc cho anh nhưng anh D vẫn không đến tòa làm việc theo các thông báo nên việc Thông báo tiếp cận chứng cứ, việc hòa giải không tiến hành được.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh D quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh D nhận giấy và trình bày bản thân anh vì lý do sức khỏe yếu không đến tòa được anh đề nghị tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật;

Đề nghị về nội dung vụ án: Đại diện VKS nhân dân huyện Quế Võ đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Chị C được ly hôn với anh D;

Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 19/12/2010 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc;

Việc cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Xuân D kết hôn với nhau năm 2008 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh D nghi ngờ chị C có quan hệ bất chính nên ghen tuông và có đánh chị khiến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, anh D có quan điểm nhất trí việc giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh D đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh D là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 19/12/2010;

Hiện tại anh chị đều xác nhận cháu Dung không phải do anh chị sinh ra mà do anh chị nhận làm con để nuôi dưỡng chăm sóc vì hai vợ chồng không có con chung và trên cơ sở giấy tờ khai sinh anh chị vẫn thừa nhận cháu là con của anh chị;

Về trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dung sau khi anh chị ly hôn; Anh chị đều đề nghị tòa án giao cháu Dung cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy việc anh D, chị C khai cháu Dung là con nuôi của anh chị nhưng không có giấy tờ chứng minh về việc nhận nuôi con nuôi và bản thân chị C, anh D cũng không yêu cầu tòa án xác nhận cháu Dung là con nuôi của anh chị nên không xem xét về vấn đề này; Chị C nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu sau khi vợ chồng ly

hôn; Xét thấy trên cơ sở giấy tờ (Giấy khai sinh của cháu Dung) thì anh Nguyễn Xuân D và chị Nguyễn Thị C là cha, mẹ của cháu Dung nên xác nhận cháu Dung là con của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Xuân D là sự thật; Khi anh chị ly hôn anh chị đều có đề nghị tòa án giao cháu Dung cho chị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, xét thấy đề nghị của anh chị không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận đề nghị này của anh chị là phù hợp;

Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung, công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh D không trực tiếp nuôi con nên được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 227, 228, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264 Bộ luật tố tụng dân sự ; Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân D;

Về con chung: Giao con Nguyễn Phương Dung, sinh ngày 19/12/2010 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết;

Anh D được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở;

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Xác nhận chị C đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002665 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Quế Võ;
- THADS huyện Quế Võ;
- UBND xã Cách Bì.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

